

Bản án số: 221/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 5 - 2020.
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Sơn Hùng
2. Bà Trần Thị Kim Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 678/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bé N, sinh năm 1993, nơi cư trú: ấp HT, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh An Giang. Có mặt

- Bị đơn: Anh Đặng Hùng C, sinh năm 1990, nơi cư trú: ấp HT, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 10 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Bé N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh C kết hôn vào ngày 19/4A1/2012, sau đó có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào Hữu Cảnh ngày 03/5/2013. Trong thời gian chung sống, anh chị thường xuyên cự cãi do anh C chơi bời không quan tâm chăm lo cho vợ con và đến ngày 29/4/2019 thì anh chị ly thân, nay tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: anh chị có 01 (một) con chung tên Đặng Bảo T, sinh ngày 17/9/2012, hiện đang sống cùng chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Đặng Hùng C đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng anh không gửi văn bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của anh.

Tại phiên tòa:

Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin ly hôn với anh C, yêu cầu được nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tài sản chung, nợ chung: không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh C. Giao con chung Đặng Bảo T cho chị N, anh C cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh C, địa chỉ cư trú của anh C là tại xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng:

Anh Đặng Hùng C đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng anh vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Chị N và anh C sau khi tìm hiểu thì tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 03/5/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên được pháp luật Việt Nam công nhận hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Nay chị N cho rằng cuộc sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn do anh C chơi bời không quan tâm chăm lo cho gia đình, vợ con, nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn.

[2.2] Tòa án đã thực hiện, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C để anh thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn tuy nhiên cho đến nay anh C vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như ông tự từ bỏ quyền lợi của bản thân.

[2.3] Qua xác minh thì địa phương xác định anh C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ấp HT, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh An Giang. Về tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn cụ thể giữa vợ chồng anh chị như thế nào thì địa phương không rõ.

[2.4] Theo quy định của Luật hôn nhân gia đình 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau cũng như chia sẻ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống nhưng trên thực tế giữa anh chị đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân từ tháng 4/2019, trong suốt thời gian ly thân cho đến nay, giữa anh chị không có sự thăm nom, chăm sóc lẫn nhau, không hòa giải mâu thuẫn để hàn gắn được tình cảm. Nay với yêu cầu ly hôn của chị N thì anh C cũng không có thể hiện thiện chí muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình, không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của chị N. Như vậy cho thấy cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do đó yêu cầu ly hôn của chị N với anh C là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về con chung: Anh chị có 01 (một) con chung tên Đặng Bảo T, sinh ngày 17/9/2012. Hiện cháu Trân đang sống cùng chị và chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trân. Cháu Trân đang do chị N nuôi dưỡng phát triển bình thường và cháu cũng thể hiện nguyện vọng muốn được tiếp tục sống cùng mẹ theo bản ghi nhận ý kiến con chung. Xét thấy, để đảm bảo ổn định tâm lý và cuộc sống sinh hoạt, học tập của cháu cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trân cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do chị N yêu cầu anh C cấp dưỡng theo quy định pháp luật, căn cứ vào Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi dưỡng con chung phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng của chị N, anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 745.000đ (bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)/tháng, là ½ tháng lương cơ bản 1.490.000đ (một triệu, bốn trăm chín mươi ngàn đồng)/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị N và gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[2.6] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.7] Về án phí: chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh C phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Bé N.

- Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Bé N được ly hôn với anh Đặng Hùng C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 03 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho chị Trần Thị Bé N và anh Đặng Hùng C không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Anh chị có 01 (một) con chung tên Đặng Bảo T, sinh ngày 17/9/2012. Giao cháu Trần cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng và anh C cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 745.000đ (bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị N và gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị Bé N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0005995 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Anh C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Bé N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đặng Hùng C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Sơn Hùng Nguyễn Ngọc Bờ

Nguyễn Thị Cẩm Hương

